

Số: **1698**/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày **20** tháng **6** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành mức thu học phí các loại hình đào tạo tại Trường Đại học
Hồng Đức năm học 2025-2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 797/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 16/8/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc phê duyệt điều chỉnh phương án giá dịch vụ đào tạo và mức thu học phí đối với các loại hình đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027; Kết luận Biên bản họp của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức ngày 22/5/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mức thu học phí các loại hình đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức năm học 2025-2026.

Điều 2. Mức thu học phí ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho năm học 2025-2026 và thay thế các văn bản quy định mức thu học phí trước đây.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, Trưởng các đơn vị, tổ chức đoàn thể và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 (để t/h);
- Hội đồng trường (để b/c);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, P.KHTC.



Bùi Văn Dũng



PHỤ LỤC
Mức thu học phí các loại hình đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức
năm học 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~1698~~ **1697**/QĐ-ĐHHD ngày **20** tháng **6** năm 2025)

A. Mức thu học phí đối với bậc đại học, bậc cao đẳng

ĐVT: Nghìn đồng/sinh viên

TT	Khối ngành đào tạo	Mức thu		
		Mức thu 1 tín chỉ	Mức thu 1 tháng	Mức thu 1 năm học (10 tháng)
I	HỌC PHÍ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY			
1	Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Thể chất, Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm KHTN, Sư phạm Tin học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử - Địa lý, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Địa lý.	373	1.306	13.057
2	Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Luật, Kinh tế, Luật kinh tế.	373	1.306	13.057
3	Công nghệ thông tin, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Khoa học cây trồng, Kinh tế nông nghiệp, Toán học, Khoa học vật liệu	434	1.519	15.191
4	Kỹ thuật điện, Kỹ thuật xây dựng, Chăn nuôi - Thú y	416	1.519	15.191
5	Tâm lý học, Truyền thông đa phương tiện, Du lịch, Quản trị khách sạn, Huấn luyện thể thao, Quản lý đất đai, Công tác xã hội, Văn học, Chính trị học, Ngôn ngữ Anh	396	1.389	13.893
II	HỌC PHÍ ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC VÀ TỪ XA			
1	Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Thể chất, Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm KHTN, Sư phạm Tin học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử - Địa lý, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Địa lý.	485	1.670	16.970
2	Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Luật, Kinh tế, Luật kinh tế.	485	1.670	16.970
3	Công nghệ thông tin, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Khoa học cây trồng, Kinh tế nông nghiệp, Toán học, Khoa học vật liệu	565	1.974	19.747
4	Kỹ thuật điện, Kỹ thuật xây dựng, Chăn nuôi - Thú y	540	1.974	19.747

5	Tâm lý học, Truyền thông đa phương tiện, Du lịch, Quản trị khách sạn, Huấn luyện thể thao, Quản lý đất đai, Công tác xã hội, Văn học, Chính trị học, Ngôn ngữ Anh	515	1.801	18.018
III	HỌC PHÍ CAO ĐẲNG			
1	Giáo dục Mầm Non	405	1.229	12.290
2	Liên Thông từ Trung cấp lên cao đẳng (Đào tạo nâng chuẩn theo ND 71/2020/ND-CP ngày 30/6/2020)		1.598	15.980

B. Mức thu học phí đối với bậc thạc sĩ và bậc tiến sĩ

Đơn vị tính: Nghìn đồng/ học viên

TT	Khối ngành đào tạo	Mức thu/ tháng	Mức thu theo năm
I	HỌC PHÍ BẬC THẠC SĨ		
1	Lý luận và Phương Pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt, Quản lý Giáo dục	1.958	19.585
2	Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Quản lý kinh tế	1.958	19.585
3	Toán Giải tích, Phương pháp Toán sơ cấp, Đại số và lý thuyết số, Khoa học máy tính, Kỹ thuật xây dựng, Khoa học cây trồng; Động vật học, Thực vật học, Hoá hữu cơ, Vật lý chất rắn, Vật lý lý thuyết và Vật lý toán.	2.278	22.786
4	Lịch sử Việt Nam, Văn học Việt Nam, Địa lý học, Ngôn ngữ Việt Nam.	2.083	20.839
II	HỌC PHÍ BẬC TIẾN SĨ		
1	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, Quản lý giáo dục	3.264	32.642
2	Quản trị kinh doanh	3.264	32.642
3	Khoa học cây trồng, Khoa học máy tính	3.797	37.977
4	Văn học Việt Nam, Lịch sử Việt Nam	3.473	34.732

Ghi chú:

- Mức thu học phí bậc Liên thông, VHVL bằng 1,3 lần mức học phí bậc Đại học chính quy; mức thu học phí bậc Thạc sĩ bằng 1,5 lần mức học phí bậc Đại học chính quy; mức thu học phí bậc Tiến sĩ bằng 2,5 lần mức học phí bậc Đại học chính quy.

- Đối với nghiệp vụ sư phạm, chương trình dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cấp chứng chỉ, chứng nhận với ngành, lĩnh vực đào tạo theo quy định của pháp luật, mức thu học phí được xác định dựa trên thỏa thuận giữa người học và Nhà trường.

- Đối với khối ngành mở mới, mức thu học phí được áp dụng tương ứng với khối ngành quy định tại bảng biểu nêu trên.

- Đối với sinh viên ngành sư phạm thuộc diện nâng chuẩn trình độ theo quy định tại Nghị

định số 71/2020/NĐ-CP được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo nên không phải đóng học phí. Tuy nhiên, đối với các trường hợp học lại, học cải thiện môn hoặc học chương trình thứ hai, sinh viên phải tự đóng học phí theo quy định.

- Đối với đào tạo giáo viên theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, sinh viên được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ học phí và không phải đóng học phí lần đầu. Tuy nhiên, trong trường hợp học lại hoặc học cải thiện, sinh viên phải tự đóng học phí theo quy định.

- Đối với sinh viên đào tạo giáo viên theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP có đơn tự nguyện xin không nhận hỗ trợ sinh hoạt phí và chi phí đào tạo thì phải đóng học phí theo quy định hiện hành.

C. Mức thu học phí các học phần học chung, học lại, học cải thiện, học đẩy nhanh tiến độ, học ngành 2

1. Mức thu học phí các học phần học chung được áp dụng theo nhóm ngành tương ứng quy định tại bảng biểu nêu trên.

2. Mức thu học phí đối với sinh viên học lại, học cải thiện, học đẩy nhanh tiến độ, học ngành 2:

- Đối với lớp học phần có từ 40 sinh viên trở lên, được ghép bởi nhiều sinh viên thuộc các loại hình đào tạo khác nhau (*bao gồm đại học, cao đẳng chính quy, liên thông, vừa làm vừa học*), mức thu áp dụng theo nhóm ngành tương ứng được quy định tại Biểu học phí trên.

- Đối với lớp học phần dưới 40 sinh viên, được ghép bởi nhiều sinh viên thuộc các loại hình đào tạo khác nhau (*bao gồm đại học, cao đẳng chính quy, liên thông, vừa làm vừa học*), mức thu được quy định là 373.000đ/tín chỉ/sinh viên.

3. Đối với học viên bậc Thạc sĩ học lại, học cải thiện điểm thì mức thu học phí cho các học phần bằng 1,5 lần mức thu học phí tương ứng với nhóm ngành đào tạo của chương trình đào tạo Đại học chính quy.

4. Đối với học viên bậc Tiến sĩ học lại, học cải thiện điểm thì mức thu học phí cho các học phần bằng 2,5 lần mức thu học phí tương ứng với nhóm ngành đào tạo của chương trình đào tạo Đại học chính quy.